

## **THÔNG BÁO**

### **Về việc thu học phí học kỳ II năm học 2024-2025 và thu nợ học phí**

Căn cứ vào Quyết định số 618/QĐ-ĐHBL ngày 10/9/2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Bạc Liêu quy định mức thu học phí trình độ đại học, cao đẳng chính quy năm học 2024-2025;

Căn cứ quyết định số 425/QĐ-ĐHBL ngày 07/8/2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Bạc Liêu về việc ban hành biên chế năm học 2024-2025;

Trường Đại học Bạc Liêu thông báo thu học phí học kỳ II năm học 2024-2025 và thu nợ học phí các học kỳ trước, cụ thể như sau:

#### **1. Mức thu học phí**

- Năm học 2024-2025: Theo Quyết định số 618/QĐ-ĐHBL ngày 10/09/2024

- Đối với thu nợ học phí: Thực hiện theo mức thu quy định các năm học trước (*có danh sách nợ đính kèm*). Sinh viên nợ học phí phải hoàn thành nghĩa vụ các khoản nợ học phí trước khi nộp học phí học kỳ II năm học 2024-2025.

**2. Đối tượng:** Sinh viên cao đẳng, đại học chính quy học tại Trường Đại học Bạc Liêu (trừ sinh viên các ngành sư phạm được hưởng chế độ chính sách theo Nghị định số 116/2021/NĐ-CP).

#### **3. Hình thức nộp tiền**

Đề nghị sinh viên nộp học phí theo hình thức thanh toán chuyển khoản như sau:

- Tại Ngân hàng TMCP Phương Đông- PGD Trần Phú (Bạc Liêu):

+ Tên tài khoản: **Trường Đại học Bạc Liêu.**

+ Số tài khoản: **0102100006922006**

- Hoặc nộp qua ứng dụng Viettel Pay

- Nội dung chuyển khoản ghi theo cú pháp: **Họ tên SV- MSSV- học phí học kỳ.... năm học.....** (Ví dụ: NGUYEN VAN A,17D440301, học phí học kỳ II-NH: 2024-2025).

#### **Số điện thoại hướng dẫn nộp học phí:**

+ Ngân hàng OCB-PGD Trần Phú, SĐT: 0291.3969661 hoặc 0291.3969609

+ Mã Thanh Nhân – Chuyên viên ViettelPay Bạc Liêu, SĐT: 0397 250 200

#### **4. Thời gian nộp học phí: Từ ngày ra thông báo đến hết ngày 30/4/2025**

- Sinh viên thuộc diện miễn, giảm, hỗ trợ học phí được thực hiện theo quy định hiện hành.

- Sinh viên không hoàn thành nghĩa vụ học phí theo quy định không được tham gia thi kết thúc học phần, không công nhận kết quả học tập, không cấp các loại giấy chứng nhận, bằng tốt nghiệp và học bổng khuyến khích theo quy định.

#### **5. Tổ chức thực hiện**

- Các Khoa thông báo cho sinh viên thuộc đơn vị quản lý biết và thực hiện đúng nội dung trên. Đồng thời phối hợp với các đơn vị tiến hành rà soát, hoàn thành thủ tục xóa tên đối với sinh viên hết thời gian đào tạo, sinh viên nợ học phí nhiều học kỳ liên tiếp theo đúng quy định trình Hiệu trưởng.

- Phòng Kế hoạch và Tài chính tổ chức thu, tổng hợp danh sách nợ học phí gửi về các đơn vị có liên quan trước khi thi kết thúc học phần.

Nếu cần biết thêm thông tin đề nghị liên hệ Phòng Kế hoạch và Tài chính theo SĐT 0291. 3828126 để được hướng dẫn.

*Nơi nhận:*

- Các Khoa;
- Phòng: KH&TC, QLDT& CTSV;
- Lưu: VT



**HIỆU TRƯỞNG**

**Phan Văn Đàn**

**DANH SÁCH SV CÁC KHOA NỢ HP TỪ HK2/2018-2019 ĐẾN HK1/2024-2025**

Căn cứ tình hình nộp học phí, Phòng KH&TC tổng hợp danh sách nợ học phí của sinh viên từ học kỳ II năm học 2018-2019 đến học kỳ I, năm học 2024-2025 (đến ngày 19/02/2025) như sau:

TT	HỌ TÊN	LỚP	HK 2/ 2018-2019	HK1/ 2019-2020	HK2/ 2019-2020	HK1/ 2020-2021	HK2/ 2020-2021	HK1/ 2021-2022	HK2/ 2021-2022	HK1/ 2022-2023	HK2/ 2022-2023	HK1/ 2023-2024	HK2/ 2023-2024	HK1/ 2024-2025
<b>I</b>	<b>KHOA KT VÀ CN</b>		0	0	0	0	0	0	5.500.000	16.500.000	24.900.000	13.600.000	34.000.000	77.000.000
1	TRƯƠNG NHẬT QUANG	12DTH							5.500.000					
2	PHẠM THANH DUY	13DTH1								5.500.000	5.500.000			
3	TRẦN HOÀNG VUI	13DTH1								5.500.000	5.500.000			
4	PHAN HỮU NHÂN	13DTH1									4.200.000			
5	NGUYỄN TRUNG DŨNG	14DTH1											6.800.000	
6	NGUYỄN PHÚC NHÂN	14DTH2									4.200.000			
7	TÔ QUỐC TRUNG	14DTH2										6.800.000	6.800.000	
8	LÂM TRÍ TÀI	15DTH1												7.700.000
9	TRƯƠNG NHẢ TRẦN	15DTH1												7.700.000
10	LÂM THANH TÍN	15DTH2												7.700.000
11	LƯƠNG VIỆT TUẤN	15DTH2												7.700.000
12	QUÁCH TỊNH	15DTH2								5.500.000	5.500.000	6.800.000	6.800.000	
13	LÊ THANH ĐẠT	16DTH1												7.700.000

TT	HỌ TÊN	LỚP	HK 2/ 2018-2019	HK1/ 2019-2020	HK2/ 2019-2020	HK1/ 2020-2021	HK2/ 2020-2021	HK1/ 2021-2022	HK2/ 2021-2022	HK1/ 2022-2023	HK2/ 2022-2023	HK1/ 2023-2024	HK2/ 2023-2024	HK1/ 2024-2025
14	TRẦN HOÀNG LAM	16DTH1												7.700.000
15	LÊ NGUYỄN	16DTH1											6.800.000	7.700.000
16	HUỶNH THÀNH ĐẠT	17DTH2												7.700.000
17	BẠCH VĂN PHƯƠNG	17DCNPM											6.800.000	7.700.000
18	LÊ HỒNG TRÚC	17DCNPM												7.700.000
II	KHOA NÔNG NGHIỆP VÀ THỦY SẢN		0	0	4.000.000	0	4.500.000	0	9.000.000	15.800.000	9.000.000	0	13.600.000	77.000.000
1	NGUYỄN VĂN MINH NHẬT ANH	10BVTV			4.000.000									
2	NGUYỄN KHÁNH DUY	11DKHMT					4.500.000							
3	HUỶNH MINH ANH	13DNT1							4.500.000	6.800.000				
4	LÂM NGỌC CẨM	13DNT1							4.500.000	4.500.000	4.500.000			
5	NGUYỄN QUỐC THÌN	13DNT2								4.500.000	4.500.000			
6	TRẦN YẾN THI	16DNT1												7.700.000
7	HUỶNH VĂN THIÊN	16DNT1												7.700.000
8	NGUYỄN VIỆT TUẤN KIẾT	16DNTCNC												7.700.000
9	PHẠM THỊ THƠ	17DNT1												7.700.000
10	NGUYỄN ANH TUẤN	17DNT1											6.800.000	7.700.000
11	HOÀNG TRƯỜNG GIANG	17DNTCNC												7.700.000
12	HUỶNH THANH LÂM	17DNTCNC												7.700.000
13	TRƯƠNG THANH PHƯƠNG	17DNTCNC												7.700.000
14	KHUU VĨNH TƯỜNG	17DNTCNC												7.700.000
15	TRẦN PHONG PHÁT	17DNTCNC											6.800.000	7.700.000

TT	HỌ TÊN	LỚP	HK 2/ 2018-2019	HK1/ 2019-2020	HK2/ 2019-2020	HK1/ 2020-2021	HK2/ 2020-2021	HK1/ 2021-2022	HK2/ 2021-2022	HK1/ 2022-2023	HK2/ 2022-2023	HK1/ 2023-2024	HK2/ 2023-2024	HK1/ 2024-2025
III	KHOA KHOA HỌC VÀ XÃ HỘI		-	4.000.000	4.000.000	4.500.000	22.500.000	0	4.500.000	0	10.500.000	16.500.000	22.000.000	41.100.000
1	ĐẶNG TƯỜNG VI	10DTA		4.000.000	4.000.000									
2	TÔ NHẬT PHI	11DTA				4.500.000	4.500.000							
3	DƯƠNG ANH NHƯT	11DTA					4.500.000							
4	TRẦN THỤY TƯỜNG VI	11DTA					4.500.000							
5	NGÔ MUỖI Ý	11DTA					4.500.000							
6	TRẦN TƯỜNG VY	11DND					4.500.000							
7	PHẠM NGỌC ÁNH	12DTA							4.500.000					
8	PHAN LÊ CHIL	13DTA1									3.500.000			
9	NGUYỄN CHÍ NHÂN	13DTA1									3.500.000			
10	PHẠM PHÙNG KIM CƯƠNG	13DTA2									3.500.000			
11	LƯU TẠ HUYỀN NHƯ	14DTA										5.500.000	5.500.000	
12	CÁI BÍCH HUYỀN	14DND										5.500.000		
13	NGUYỄN THÁI SƠN	15DTA2												6.850.000
14	DƯƠNG THỊ BÍCH NHƯ	16DTA1											5.500.000	6.850.000
15	HỒ TRIỆU LINH NHƯ	16DTA1												6.850.000
16	TRẦN THANH THẢO	16DND										5.500.000	5.500.000	6.850.000
17	BÙI TƯỜNG DUY	17DTA1											5.500.000	6.850.000
18	TRƯƠNG QUANG MINH	17DTVVHVN												6.850.000
IV	KHOA KINH TẾ VÀ LUẬT		3.750.000	0	12.000.000	0	4.500.000	4.500.000	13.500.000	9.000.000	18.900.000	74.100.000	205.200.000	297.100.000

DẪN  
ƯỚN  
NH  
CL  
\*

TT	HỌ TÊN	LỚP	HK 2/ 2018-2019	HK1/ 2019-2020	HK2/ 2019-2020	HK1/ 2020-2021	HK2/ 2020-2021	HK1/ 2021-2022	HK2/ 2021-2022	HK1/ 2022-2023	HK2/ 2022-2023	HK1/ 2023-2024	HK2/ 2023-2024	HK1/ 2024-2025
1	VÕ QUỐC QUYÊN	10DTCNH	3.750.000		4.000.000									
2	NGUYỄN THÙY TRANG	10DTCNH			4.000.000									
3	NGUYỄN THỊ MY	10DKT			4.000.000									
4	TRỊNH THỊ CẨM ĐOAN	11DKT					4.500.000							
5	LÊ NGUYỄN HẢI ĐĂNG	12DKT2							4.500.000					
6	ĐỒNG SĨ NGUYỄN	12DQT						4.500.000	4.500.000					
7	VÕ HOÀNG HUÂN	14DKT1										5.700.000	5.700.000	
8	BÙI KIM TRANG	14DKT1											5.700.000	
9	VŨ THỊ THÙY TRÂM	14DKT2									3.300.000	5.700.000	5.700.000	
10	LÊ NHỰT DUY	14DQT1									3.300.000	5.700.000	5.700.000	
11	NGUYỄN THẢO NGỌC	14DQT1											5.700.000	
12	NGUYỄN TRỌNG NGUYỄN	14DTCNH											5.700.000	
13	TRẦN CÔNG THÀNH	14DTCNH								4.500.000	4.500.000			
14	NGÔ NHẢ LINH	15DKT1										5.700.000	5.700.000	6.450.000
15	NGUYỄN TRẦN NGỌC TRÂM	15DKT1							4.500.000	4.500.000	4.500.000	5.700.000	5.700.000	6.450.000
16	NGUYỄN HOÀI KHANG	16DKT1											5.700.000	6.450.000
17	HUYỀN HOÀNG THƠ	16DKT1											5.700.000	6.450.000
18	PHẠM THANH TUYỀN	16DKT1												6.450.000
19	DƯƠNG THỊ THU ĐIỂM	16DKT2												6.450.000
20	TÔNG THÚY VY	16DKT2												6.450.000

TT	HỌ TÊN	LỚP	HK 2/ 2018-2019	HK1/ 2019-2020	HK2/ 2019-2020	HK1/ 2020-2021	HK2/ 2020-2021	HK1/ 2021-2022	HK2/ 2021-2022	HK1/ 2022-2023	HK2/ 2022-2023	HK1/ 2023-2024	HK2/ 2023-2024	HK1/ 2024-2025
21	PHAN THỊ KIM QUYÊN	16DKT2											5.700.000	6.450.000
22	NGUYỄN NHƯ QUỲNH	16DKT2											5.700.000	6.450.000
23	TRẦN THỊ VIỆT TRINH	16DKT2											5.700.000	6.450.000
24	TRẦN LÊ CẨM TÚ	16DKT2											5.700.000	6.450.000
25	NGUYỄN GIA TUẤN	16DKT2									3.300.000	5.700.000	5.700.000	6.450.000
26	NGUYỄN NHẬT LƯỢNG	16DKT2										5.700.000	5.700.000	6.450.000
27	NGUYỄN NGỌC YẾN NHI	16DKT2										5.700.000	5.700.000	6.450.000
28	TRẦN THỊ YẾN NHI	16DKT2										5.700.000	5.700.000	6.450.000
29	NINH THỊ KIỀU THANH	16DKT2										5.700.000	5.700.000	6.450.000
30	HỨA THIÊN BẢO	16DQT										5.700.000	5.700.000	6.450.000
31	BẠCH KIM NGÂN	16DQT												6.450.000
32	VÕ HIẾU NGHĨA	16DQT										5.700.000	5.700.000	6.450.000
33	NGUYỄN HỮU THUẬN	16DQT										5.700.000	5.700.000	6.450.000
34	NGUYỄN THỊ THANH DIỆU	17DKT1											5.700.000	6.450.000
35	TRẦN NHỰT HÀO	17DKT1											5.700.000	6.450.000
36	DIỆP QUỐC KHANG	17DKT1											5.700.000	6.450.000
37	NGUYỄN NGỌC NGÂN	17DKT1											5.700.000	6.450.000
38	THÁI LÊ MỸ TIỀN	17DKT1											5.700.000	6.450.000
39	LÂM THỊ BÍCH TRẦN	17DKT1												6.450.000



TT	HỌ TÊN	LỚP	HK 2/ 2018-2019	HK1/ 2019-2020	HK2/ 2019-2020	HK1/ 2020-2021	HK2/ 2020-2021	HK1/ 2021-2022	HK2/ 2021-2022	HK1/ 2022-2023	HK2/ 2022-2023	HK1/ 2023-2024	HK2/ 2023-2024	HK1/ 2024-2025
40	ĐINH THẢO TRẦN	17DKT1											5.700.000	6.450.000
41	NGÔ NHỰT DUY	17DKT2												6.450.000
42	NGUYỄN TIẾN ĐẠT	17DQT2												6.450.000
43	ONG TẤN SANG	17DQT2											5.700.000	
44	VÕ LÂM VĨ HÀO	17DQT2											5.700.000	6.450.000
45	TẠ CHIÊU HOÀNG	17DQT2												6.450.000
46	NGUYỄN TÙNG NHÂN	17DQT2												6.450.000
47	QUÁCH KHẢ ÁI	17DTCNH												6.450.000
48	TẠ TẤN BẢO	17DTCNH												6.450.000
49	NGUYỄN THỊ KIM CƯƠNG	17DTCNH											5.700.000	6.450.000
50	LÊ YẾN DUY	17DTCNH											5.700.000	6.450.000
51	TRẦN KIM LINH	17DTCNH											5.700.000	6.450.000
52	NGUYỄN PHÙNG TRÀ MY	17DTCNH											5.700.000	6.450.000
53	NGUYỄN THỊ NHI	17DTCNH												6.450.000
54	PHAN NGUYỄN YẾN NHI	17DTCNH												6.450.000
55	NGUYỄN DUY TÂN	17DTCNH												6.450.000
56	TRẦN QUỐC TÍNH	17DTCNH												6.450.000
57	DANH TRẦN NGỌC TRẦN	17DTCNH												6.450.000
58	LÊ THỊ VÂN	17DTCNH											5.700.000	6.450.000

TT	HỌ TÊN	LỚP	HK 2/ 2018-2019	HK1/ 2019-2020	HK2/ 2019-2020	HK1/ 2020-2021	HK2/ 2020-2021	HK1/ 2021-2022	HK2/ 2021-2022	HK1/ 2022-2023	HK2/ 2022-2023	HK1/ 2023-2024	HK2/ 2023-2024	HK1/ 2024-2025
59	NGUYỄN ĐẶNG PHÚ YÊN	17DTCNH											5.700.000	6.450.000
60	TỔNG KHẢ TRÂN	18DQTDLLH												6.850.000
	<b>TỔNG CỘNG:</b>		3.750.000	4.000.000	20.000.000	4.500.000	31.500.000	4.500.000	32.500.000	41.300.000	63.300.000	104.200.000	274.800.000	492.200.000

Danh sách có 111 SV nợ học phí

Bạc Liêu, ngày 19 tháng 02 năm 2025

**Lập bảng**



**Hứa Thị Cẩm Tú**

